**Requirements Documents**

**Trang web quản lý nhà hàng - WARM**

*Phiên bản 1.1*

3/20/2012

**Thiết kế giao diện TH2008/3**

**Nhóm 25: StarFish**

GVLT: TS Nguyễn Văn Vũ

GVTH: Hồ Tuấn Thanh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| MSSV | Họ tên | Mail | Nhóm trưởng |
| 0812506 | Nguyễn Minh Thuận | [thuan178@gmail.com](mailto:thuan178@gmail.com) |  |
| 0812508 | Trần Hưng Thuận | [0812508@gmail.com](mailto:0812508@gmail.com) |  |
| 0812517 | Võ Xuân Tiến | [tienvx2008gs@gmail.com](mailto:tienvx2008gs@gmail.com) |  |
| 0812527 | Huỳnh Công Toàn | [7hanatos13@gmail.com](mailto:7hanatos13@gmail.com) | X |
| 0812531 | Trần Huỳnh Công Toại | [toai104040005@tiengiang.edu.vn](mailto:toai104040005@tiengiang.edu.vn) |  |

THÔNG TIN PHIÊN BẢN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Tác giả** | **Mô tả** |
| 08/03/2012 | 0.2 | Võ Xuân Tiến | Vẽ sơ đồ use-case cơ bản |
| 10/03/2012 | 0.4 | Huỳnh Công Toàn | Vẽ sơ đồ lớp |
| 14/03/2012 | 0.5 | Huỳnh Công Toàn | Chỉnh sửa sơ đồ lớp |
| 14/03/2012 | 0.6 | Trần Hưng Thuận | Đặc tả sơ dồ lớp |
| 15/03/2012 | 0.7 | Võ Xuân Tiến | Đặc tả actor |
| 18/03/2012 | 0.8 | Võ Xuân Tiến | Chỉnh sửa sơ đồ use-case |
| 19/03/2012 | 1.0 | Trần Huỳnh Công Toại | Đặc tả use-case |
| 19/03/2012 | 1.1 | Huỳnh Công Toàn | Chỉnh sửa sơ đồ lớp |

MỤC LỤC

[**I.** **USE-CASE MODEL** 3](#_Toc319946085)

[**II.** **ACTOR SPECIFICATION** 3](#_Toc319946086)

[1) Danh sách actor 3](#_Toc319946087)

[2) Phân tích actor KhachHang 3](#_Toc319946088)

[3) Phân tích actor Admin 3](#_Toc319946089)

[4) Mục tiêu người dùng 4](#_Toc319946090)

[**III.** **USE-CASE SPECIFICATION** 4](#_Toc319946091)

[1) Đặc tả Use-case “Tham Quan Nha Hang” 4](#_Toc319946092)

[2) Đặc tả Use-case “Dat Ban” 5](#_Toc319946093)

[3) Đặc tả Use-case “Chon Thuc Don” 5](#_Toc319946094)

[4) Đặc tả Use-case “Dang Ky” 6](#_Toc319946095)

[5) Đặc tả Use-case “Dang Nhap” 6](#_Toc319946096)

[6) Đặc tả Use-case “Quan Ly Nguoi Dung” 6](#_Toc319946097)

[7) Đặc tả Use-case “Quan Ly Mon An” 7](#_Toc319946098)

[8) Đặc tả Use-case “Quan Ly Danh Muc Mon An” 7](#_Toc319946099)

[9) Đặc tả Use-case “Tim Kiem Mon An” 8](#_Toc319946100)

[10) Đặc tả Use-case “Xem Danh Muc Mon An” 8](#_Toc319946101)

[11) Đặc tả Use-case “Quan Ly Ban” 9](#_Toc319946102)

[12) Đặc tả Use-case “Quan Ly Danh Muc Ban” 9](#_Toc319946103)

[13) Đặc tả Use-case “Quan Ly Phieu Dat Ban” 10](#_Toc319946104)

[14) Đặc tả Use-case “Xem Danh Muc Ban” 10](#_Toc319946105)

[15) Đặc tả Use-case “Binh Luan” 11](#_Toc319946106)

[16) Đặc tả Use-case “Quan Ly Binh Luan” 11](#_Toc319946107)

[**IV.** **OBJECT MODEL** 12](#_Toc319946108)

[**V.** **OBJECT DESCRIPTION** 12](#_Toc319946109)

[1) Danh sách các lớp đối tượng và quan hệ 12](#_Toc319946110)

[2) Mô tả chi tiết từng lớp đối tượng 13](#_Toc319946111)

1. **USE-CASE MODEL**



1. **ACTOR SPECIFICATION**
2. Danh sách actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Actor** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Khach Hang | Khách hàng của nhà hàng. Những người muốn thăm quan nhà hàng online, đặt bàn. |
| 2 | Admin | Người quản lý các thông tin liên quan đến việc đặt bàn online, như số món ăn, thông tin các món ăn, số bàn, thông tin bàn,… |

1. Phân tích actor KhachHang

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Thuộc tính** |
| 1 | Độ tuổi | Trên 10 tuổi |
| 2 | Giới Tính | Không ràng buộc |
| 3 | Văn hóa | Phương đông |
| 4 | Ngôn ngữ | Tiếng việt và tiếng anh |
| 5 | Hiểu biết vi tính | Biết dùng trình duyệt web. |
| 6 | Hiểu biết về lĩnh vực nhà hàng | Không cần hiểu biết về văn hóa ẩm thực, cần biết các khái niệm cơ bản về nhà hàng như nhà hàng để làm gì. |
| 7 | Tần suất sử dụng | Cao: mỗi ngày một lần.  Trung bình: mỗi tuần một lần.  Thấp: mỗi tháng một lần. |
| 8 | Giới hạn thể chất | Người có thể điều khiển được máy tính, mắt rõ |
| 9 | Học vấn | Biết đọc |
| 10 | Mong muốn khi vào trang web | Tham quan để biết thêm thông tin về nhà hàng, tìm hiểu các món ăn, giá cả, đặt bàn trực tuyến để được phục vụ chu đáo hơn. |
| 11 | Môi trường làm việc | Không giới hạn, kể cả những người bận rộn |
| 12 | Mối quan hệ | Trọng tâm vào những người muốn mở rộng mối quan hệ với nhiều người thông qua điểm gặp gỡ là nhà hàng. |
| 13 | Trạng thái xã hội | Không phân biệt vai trò và địa vị |

1. Phân tích actor Admin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Thuộc tính** |
| 1 | Độ tuổi | Trên 16 |
| 2 | Giới Tính | Không ràng buộc |
| 3 | Văn hóa | Phương đông, phương tây |
| 4 | Ngôn ngữ | Tiếng việt và tiếng anh |
| 5 | Hiểu biết vi tính | Biết dùng trình duyệt web, biết sử dụng vi tính văn phòng (word, exel). |
| 6 | Hiểu biết về lĩnh vực nhà hàng | Cần nhiều hiểu biết về lĩnh vực nhà hàng, cập nhật thông tin về nhà hàng như thông tin, đặc điểm, trạng thái các món ăn và các bàn tiệc trong nhà hàng. |
| 7 | Tần suất sử dụng | Cao: cập nhật thông tin khi có sự thay đổi. ít nhất một ngày một lần. |
| 8 | Giới hạn thể chất | Người có thể điều khiển được máy tính, mắt rõ, nghe tốt. |
| 9 | Học vấn | Có trình độ quản lý thông tin. |
| 10 | Mong muốn khi vào trang web | Cập nhật lại thông tin của nhà hàng cho chính xác. |
| 11 | Môi trường làm việc | Những người có thời gian phù hợp để cập nhật thông tin, những người quen với việc bận rộn, không có thời gian nhiều. |
| 12 | Mối quan hệ | Có mối quan hệ sâu sắc với các vị trí trong nhà hàng, liên tục cập nhật mối quan hệ này. |
| 13 | Trạng thái xã hội | Không phân biệt vai trò và địa vị |

1. Mục tiêu người dùng

* Thông tin chung: một trang web chuyên về quảng bá thông tin cho nhà hàng, giúp khách hàng của nhà hàng có cái nhìn đầy đủ, cập nhật về nhà hàng, cũng như giúp khách hàng thuận tiện hơn trong quá trình đến với nhà hàng.
* Đặc điểm người dùng: đã đề cập ở trên.
* Môi trường hoạt động: người dùng có thể thực hiện ở nhà, với máy tính nối mạng.
* Mục tiêu chính: lôi cuốn khách hàng đến với nhà hàng, thuận tiện hơn cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ của nhà hàng.
* Vai trò người dùng: người dùng dịch vụ của nhà hàng, người quản lý thông tin nhà hàng.

1. **USE-CASE SPECIFICATION**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Tham Quan Nha Hang | Tham quan nhà hàng |
| 2 | Dat Ban | Đặt bàn |
| 3 | Chon Thuc Don | Chọn thực đơn |
| 4 | Dang Ky | Đăng ký |
| 5 | Dang Nhap | Đăng nhập |
| 6 | Quan Ly Nguoi Dung | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa tài khoản người dùng. |
| 7 | Quan Ly Mon An | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa món ăn. |
| 8 | Quan Ly Danh Muc Mon An | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa danh mục món ăn. |
| 9 | Tim Kiem Mon An | Tìm kiếm món ăn |
| 10 | Xem Danh Muc Mon An | Xem các loại món ăn |
| 11 | Quan Ly Ban | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa bàn ăn. |
| 12 | Quan Ly Danh Muc Ban | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa phiếu đặt bàn. |
| 13 | Quan Ly Phieu Dat Ban | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa phiếu đặt bàn. |
| 14 | Xem Danh Muc Ban | Xem các loại bàn ăn. |
| 15 | Binh Luan | Bình luận món ăn |
| 16 | Quan Ly Binh Luan | Bao gồm thêm, xóa, chỉnh sửa bình luận. |

## Đặc tả Use-case “Tham Quan Nha Hang”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Tham Quan Nha Hang |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin có cái nhìn tổng quan về nhà hàng, xem giới thiệu về nhà hàng (lịch sử hình thành, địa chỉ, điện thoại, các món ăn đặc sản, phong cách phục vụ, các giải thưởng và thành tựu đạt được của nhà hàng…) |
| **Goal** | * Nếu load thành công thì trang web hiển thị trang xem thông tin nhà hàng. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại và load trang chủ lên. |
| **Precondition** | Không có |
| **Sub-task** | Use - case bắt đầu khi người dùng mới vào trang web, hoặc chọn chức năng tham quan nhà hàng.   1. Người dùng chọn chức năng tham quan nhà hàng. 2. Trang web sẽ load trang tham quan nhà hàng lên. |
| **Performed by** | Khach Hang, Admin |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Dat Ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Dat Ban |
| **Overview** | Use-case Dat Ban cho phép khách hàng, admin có thể đặt bàn ăn qua mạng mà không cần phải đến nhà hàng để đặt bàn trực tiếp.  Thông tin bàn ăn: tên bàn, mô tả bàn, số điện thoại người đặt, số người tham dự... |
| **Goal** | * Nếu thành công thì sẽ được thông báo đặt bàn thành công vàsẽ load hình ảnh một bàn ăn với nhiều món ăn đã chọn được bày biện sẵn. * Nếu thất bại thì sẽ thông báo lỗi và load lại chức năng đặt bàn. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập |
| **Sub-task** | 1. Người dùng chọn chức năng đặt bàn. 2. Trang đặt bàn được load lên. 3. Người dùng nhập những thông tin của bàn ăn. 4. Sau đó người dùng phải chọn thực đơn cho bàn ăn đó. 5. Nhấn nút đặt bàn(submit) để gởi thông tin bàn ăn cần đặt đến nhà hàng. |
| **Performed by** | Khach Hang, Admin |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Chon Thuc Don”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Chon Thuc Don |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin chọn các món ăn có trong danh mục các món ăn của nhà hàng.  Thông tin món ăn: tên, giá, mô tả món ăn, hình ảnh và các bình luận của món ăn… |
| **Goal** | * Nếu thành công thì thông báo chọn thực đơn thành công, load các món ăn lên bàn ăn. * Nếu thất bại thì thông báo lỗi và thực hiện lại use-case Chon Thuc Don. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Chọn Thực Đơn. 2. Danh sách các món ăn được load lên. 3. Người dùng chọn các món ăn có trong danh mục các món ăn của nhà hàng. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Khach Hang, Admin |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Dang Ky”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Dang Ky |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin tạo ra một tài khoản mới.  Thông tin tài khoản: tên đăng nhập, mật khẩu, email, điện thoại, loại người dùng… |
| **Goal** | * Nếu thành công thì thông báo đăng ký thành công, hiển thị thông tin người dùng vừa được đăng ký. * Nếu thất bại thì thông báo lỗi và thực hiện lại use-case Dang Ky. |
| **Precondition** | Không có |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Đăng ký. 2. Trang đăng ký tài khoản mới được load lên. 3. Người dùng nhập các thông tin cho tài khoản mới. 4. Chọn chức năng đăng ký(submit). |
| **Performed by** | Khach Hang, admin |
| **Usage frequency** | 10 đến 50 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Dang Nhap”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Dang Nhap |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin có thể đăng nhập vào hệ thống.  Thông tin đăng nhập: tên đăng nhập, mật khẩu. |
| **Goal** | * Nếu thành công thì thông báo đăng nhập thành công, trang chủ được load lên. * Nếu thất bại thì thông báo lỗi và thực hiện lại use-case Dang Nhap. |
| **Precondition** | Người dùng phải có tài khoản đã đăng ký trước đó. |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Đăng Nhập. 2. Trang đăng nhập được load lên. 3. Người dùng nhập tên đăng nhập, mật khẩu vào. 4. Chọn chức đăng nhập. |
| **Performed by** | Khach Hang, admin |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Nguoi Dung”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Nguoi Dung |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa thông tin người dùng.  Thông tin người dùng:Tên đăng nhập, mật khẩu, email, điện thoại, loại người dùng |
| **Goal** | * Nếu thực hiện thành công thì hệ thống báo thành công. Hệ thống cập nhật và hiển thị danh sách người dùng. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa thông tin người dùng. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi admin chọn một trong các chức năng Thêm Người Dùng, Xóa Người Dùng, Chỉnh Sửa Thông Tin Người Dùng. 2. Danh sách người dùng được load lên. 3. Admin chọn người dùng cần thêm, xóa hay chỉnh sửa thông tin.    1. Nếu là chức năng Xóa Người Dùng:       1. Admin chọn chức năng xóa người dùng đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Người Dùng hay Chỉnh Sửa Thông Tin Người Dùng       1. Hiển thị trang để admin nhập thông tin người dùng.       2. Admin nhập thông tin người dùng cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 10 đến 20 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Mon An”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Mon An |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa món ăn.  Thông tin món ăn: Tên, giá, mô tả, hình ảnh, danh mục, tình trạng của món ăn… |
| **Goal** | * Nếu thực hiện thành công thì hệ thống báo thành công, load lại danh sách món ăn. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa món ăn. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi người dùng chọn một trong các chức năng Thêm Món Ăn, Xóa Món Ăn, Chỉnh Sửa Món Ăn. 2. Danh sách các món ăn được load lên. 3. Người dùng chọn món ăn cần thêm, xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Món Ăn:       1. Người dùng chọn chức năng xóa món ăn đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Món Ăn hay Chỉnh Sửa Món Ăn       1. Hiển thị trang để người dùng nhập thông tin món ăn.       2. Người dùng nhập thông tin món ăn cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 0 đến 5 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Danh Muc Mon An”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Danh Muc Mon An |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa danh mục món ăn.  Thông tin danh mục món ăn: Tên, hình ảnh. |
| **Goal** | * Nếu thành công thì hệ thống báo thành công, load lại danh sách danh mục món ăn. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa danh mục món ăn. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi người dùng chọn một trong các chức năng Thêm Danh Mục Món Ăn, Xóa Danh Mục Món Ăn, Chỉnh Sửa Danh Mục Món Ăn. 2. Danh sách các danh mục món ăn được load lên. 3. Người dùng chọn danh mục món ăn cần thêm, xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Danh Mục Món Ăn:       1. Người dùng chọn chức năng xóa danh mục món ăn đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Danh Mục Món Ăn hay Chỉnh Sửa Danh Mục Món Ăn       1. Hiển thị trang để người dùng nhập thông tin danh mục món ăn.       2. Người dùng nhập thông tin danh mục món ăn cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 0 đến 2 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Tim Kiem Mon An”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Tim Kiem Mon An |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin tìm kiếm các món ăn mình cần.  Các thông tin cần tìm của món ăn:Tên món ăn, giá,thành phần, phong cách món ăn. |
| **Goal** | Danh sách các món ăn cần tìm hiện lên, nếu không tìm thấy thì sẽ thông báo không có món ăn nào phù hợp với thông tin cần tìm. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Tìm Kiếm Thức Ăn. 2. Trang tìm kiếm thức ăn đươc load lên. 3. Người dùng nhập thông tin cần tìm. 4. Chọn chức năng Tìm. 5. Danh sách các món ăn có liên quan đến thông tin cần tìm được load lên. |
| **Performed by** | Admin, Khach Hang |
| **Usage frequency** | 300 đến 600 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Xem Danh Muc Mon An”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Xem Danh Muc Mon An |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin có thể xem các loại món ăn có trong nhà hàng.  Thông tin danh mục món ăn: tên, ảnh danh mục món ăn. |
| **Goal** | * Nếu xem danh mục món ăn thành công, danh sách các danh mục món ăn hiện lên. * Nếu không xem được thì thông báo không xem được và hiển thị lỗi. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Xem Danh Mục Món Ăn. 2. Trang danh mục món ăn được load lên. 3. Người dùng xem chi tiết các danh mục món ăn có trong nhà hàng. |
| **Performed by** | Admin, Khach Hang |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Ban |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa bàn.  Thông tin bàn ăn: Tên, mô tả, hình ảnh, danh mục bàn, tình trạng của bàn ăn… |
| **Goal** | * Nếu thực hiện thành công thì hệ thống báo thành công, load lại danh sách bàn ăn. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa bàn ăn. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi người dùng chọn một trong các chức năng Thêm Bàn, Xóa Bàn, Chỉnh Sửa Bàn. 2. Danh sách các bàn ăn được load lên. 3. Người dùng chọn bàn ăn cần thêm, xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Bàn:       1. Người dùng chọn chức năng xóa bàn ăn đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Bàn hay Chỉnh Sửa Bàn       1. Hiển thị trang để người dùng nhập thông tin bàn ăn.       2. Người dùng nhập thông tin bàn ăn cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 10 đến 20 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Danh Muc Ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Danh Muc Ban |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa danh mục bàn ăn.  Thông tin danh mục bàn ăn: Tên, hình ảnh. |
| **Goal** | * Nếu thành công thì hệ thống báo thành công, load lại danh sách danh mục bàn ăn. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa danh mục bàn ăn. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi người dùng chọn một trong các chức năng Thêm Danh Mục Bàn, Xóa Danh Mục Bàn, Chỉnh Sửa Danh Mục Bàn. 2. Danh sách các danh mục bàn ăn được load lên. 3. Người dùng chọn danh mục bàn ăn cần thêm, xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Danh Mục Bàn:       1. Người dùng chọn chức năng xóa danh mục bàn ăn đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Danh Mục Bàn hay Chỉnh Sửa Danh Mục Bàn       1. Hiển thị trang để người dùng nhập thông tin danh mục bàn ăn.       2. Người dùng nhập thông tin danh mục bàn ăn cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 0 đến 2 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Phieu Dat Ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Phieu Dat Ban |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác thêm, xóa và chỉnh sửa phiếu đặt bàn.  Thông tin phiếu đặt bàn: Bàn ăn, người dùng, ngày tạo phiếu, ngày đặt bàn, các chi tiết phiếu, tình trạng, tổng tiền. |
| **Goal** | * Nếu thực hiện thành công thì hệ thống báo thành công, load lại danh sách các phiếu đặt bàn. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa phiếu đạt bàn đó. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi người dùng chọn một trong các chức năng Thêm Phiếu Đặt Bàn, Xóa Phiếu Đặt Bàn, Chỉnh Sửa Phiếu Đặt Bàn. 2. Danh sách các phiếu đặt bàn được load lên. 3. Người dùng chọn phiếu đặt bàn cần thêm, xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Phiếu Đặt Bàn:       1. Người dùng chọn chức năng xóa phiếu đặt bàn đó.    2. Nếu là chức năng Thêm Phiếu Đặt Bàn hay Chỉnh Sửa Phiếu Đặt Bàn       1. Hiển thị trang để người dùng nhập thông tin phiếu đặt bàn.       2. Người dùng nhập thông tin phiếu đặt bàn cần chỉnh sửa hay thêm mới. 4. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 50 đến 200 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Xem Danh Muc Ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Xem Danh Muc Ban |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin có thể xem các loại bàn ăn có trong nhà hàng.  Thông tin danh mục bàn ăn: tên, ảnh danh mục bàn ăn. |
| **Goal** | * Nếu xem danh mục bàn ăn thành công, danh sách các danh mục bàn ăn hiện lên. * Nếu không xem được thì thông báo không xem được và hiển thị lỗi. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Xem Danh Mục Bàn. 2. Trang danh mục bàn ăn được load lên. 3. Người dùng xem chi tiết các danh mục bàn ăn có trong nhà hàng. |
| **Performed by** | Admin, Khach Hang |
| **Usage frequency** | 200 đến 500 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Binh Luan”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Binh Luan |
| **Overview** | Cho phép khách hàng, admin có thể bình luận về các món ăn có trong nhà hàng, nêu các thắc mắc hay quan điểm của mình về món ăn đó.  Thông tin bình luận: Người bình luận, nội dung, đánh giá. |
| **Goal** | * Nếu bình luận thành công thì hệ thống thông báo bình luận thành công và hiển lời bình của người dùng về món ăn đó lên. * Nếu không bình luận được thì thông báo không bình luận được, hiển thị lỗi và thực hiện lại Use-case Binh Luan |
| **Precondition** | Không có |
| **Sub-task** | 1. Use-case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng Bình Luận. 2. Trang web hiển thị ô nhập liệu cho người dùng nhập nội dung bình luận. 3. Chọn chức năng submit. |
| **Performed by** | Admin, Khach Hang |
| **Usage frequency** | 500 đến 1000 lần/ ngày |

## Đặc tả Use-case “Quan Ly Binh Luan”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use-case** | Quan Ly Binh Luan” |
| **Overview** | Cho phép admin có thể thực hiện các thao tác xóa hay chỉnh sửa các lời bình luận về món ăn.  Thông tin bình luận: Người bình luận, nội dung, đánh giá. |
| **Goal** | * Nếu thực hiện thành công thì hệ thống báo thành công. Hệ thống cập nhật và hiển thị danh sách các món ăn cùng với những lời bình cho món ăn đó. * Nếu thất bại thì hệ thống sẽ thông báo thất bại, hiển thị lỗi và thực hiện lại thao tác thêm, xóa hay chỉnh sửa lời binh luận. |
| **Precondition** | Cần đăng nhập dưới quyền admin |
| **Sub-task** | 1. Use - case bắt đầu khi admin chọn một trong các chức năng Xóa Binh Luan, Chỉnh Sửa Binh Luan. 2. Danh sách các món ăn cùng với các lời bình luận cho món ăn đó được load lên 3. Admin chọn món ăn có lời binh luận cần được quản lý. 4. Admin chọn lời bình cần xóa hay chỉnh sửa.    1. Nếu là chức năng Xóa Bình Luận:       1. Admin chọn chức năng xóa lời bình luận đó.    2. Nếu là chức năng Chỉnh Sửa Bình Luận       1. Hiển thị trang để admin nhập thông tin cần chỉnh sửa. 5. Chọn chức năng lưu. |
| **Performed by** | Admin |
| **Usage frequency** | 20 đến 50 lần/ ngày |

1. **OBJECT MODEL**



1. **OBJECT DESCRIPTION**
2. Danh sách các lớp đối tượng và quan hệ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên lớp/quan hệ** | **Loại** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | NguoiDung |  | Lưu thông tin của người dùng của website |
| 2 | LoaiNguoiDung |  | Lưu các loại người dùng |
| 3 | BanAn |  | Lưu thông tin của các bàn ăn của nhà hàng |
| 4 | DanhMucBanAn |  | Lưu danh sách các loại bàn ăn của nhà hàng |
| 5 | MonAn |  | Lưu thông tin các món ăn của nhà hàng |
| 6 | DanhMucMonAn |  | Lưu danh sách danh mục món ăn mà nhà hàng có |
| 7 | BinhLuan |  | Lưu lời bình luận của khách hàng về món ăn |
| 8 | PhieuDatCho |  | Lưu thông tin của 1 phiếu đặt chỗ của khách hàng |
| 9 | ChiTietPhieu |  | Lưu chi tiết phiếu đặt chỗ của 1 phiếu đặt chỗ |
| 10 | NguoiDung - LoaiNguoiDung | Quan hệ Association 1-n | Mỗi người dùng thuộc về 1 loại người dùng, 1 loại người dùng có thể có nhiều người dùng |
| 11 | BanAn - DanhMucBanAn | Quan hệ Association 1-n | Mỗi bàn ăn thuộc về 1 danh mục bàn ăn, 1 danh mục bàn ăn có thể có nhiều bàn ăn |
| 12 | BinhLuan - MonAn | Quan hệ Association 1-n | Mổi bình luận thuộc về 1 món ăn, mỗi món ăn có thể có nhiều bình luận |
| 13 | MonAn -DanhMucMonAn | Quan hệ Association 1-n | Mỗi món ăn thuộc về 1 danh mục món ăn, mỗi danh mục món ăn có thể có nhiều món ăn |
| 14 | MonAn - ChiTietPhieu | Quan hệ Association 1-n | Mỗi chi tiết phiếu thuộc về 1 món ăn, mỗi món ăn có thể có nhiều chi tiết phiếu |
| 15 | NguoiDung - BanAn -PhieuDatCho | Quan hệ Association n-n | Mỗi phiếu đặt chỗ thuộc về 1 người dùng và 1 bàn ăn. Mỗi người dùng có thể có nhiều phiếu đặt chỗ. Mỗi bàn ăn có thể có nhiều phiếu đặt chỗ. |

1. Mô tả chi tiết từng lớp đối tượng

* *Lớp LoaiNguoiDung*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | Ten | private | string | Tên loại người dùng |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat().
* *Lớp NguoiDung*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | TenDangNhap | private | string | Tên đăng nhập của người dùng |
| 2 | MatKhau | private | string | Mật khầu |
| 3 | Email | private | string | Email |
| 4 | DienThoai | private | string | Điện thoại |
| 5 | DaXoa | private | bool | Kiểm tra xem người dùng có bị xóa chưa? |
| 6 | loaiNguoiDung | private | LoaiNguoiDung | Thuộc loại người dùng |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(), LayTatCa(), LayNguoidung(ten:string).
* *Lớp BanAn*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | TenBan | private | string | Tên bàn |
| 2 | MoTa | private | string | Mô tả bàn |
| 3 | danhMuc | private | DanhMucBanAn | Bàn thuộc danh mục bàn |
| 4 | Anh | private | string | Đường dẫn đến file ảnh |
| 5 | DaXoa | private | bool | Bàn có xóa chưa? |
| 6 | ConBan | private | bool | Tình trạng còn trống không? |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(), LayTatCa(), LayBan(maDanhMuc), LayBan(tenBan).
* *Lớp DanhMucBanAn*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | Ten | private | string | Tên danh mục bàn ăn |
| 2 | Anh | private | string | Đường dẫn đến file ảnh |
| 3 | DaXoa | private | bool | Danh mục bàn ăn có xóa chưa? |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(), LayTatCa(), LayDanhMuc().
* *Lớp BinhLuan*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | NoiDung | private | string | Nội dung khách hàng nhận xét món ăn |
| 2 | DanhGia | private | Int | Mức độ thích của khách |
| 3 | NguoiBinhLuan | private | string | Tên người bình luận |
| 4 | DaXoa | private | bool | Tình trạng của lời bình. |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(), LayBinhLuan(maMonAn).
* *Lớp MonAn*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | TenMonAn | private | string | Tên món ăn |
| 2 | MoTa | private | string | Mô tả món ăn |
| 3 | Gia | private | Double | Giá |
| 4 | danhMuc | private | DanhMucMonAn | Danh mục của món ăn |
| 5 | binhLuan | private | BinhLuan[\*] | Danh sách lời bình của 1 món ăn |
| 6 | Anh | private | string | Đường dẫn đến file ảnh |
| 7 | DaXoa | private | bool | Tình trạng của món ăn |
| 8 | ConMon | private | bool | Món ăn có thể phục vụ không? |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(),LayTatCa(), LayMonAn(maDanhMuc), LayMonAn(tenMonAn)
* *Lớp DanhMucMonAn*
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | Ten | private | string | Tên của danh mục món ăn |
| 2 | Anh | private | string | Đường dẫn đến file ảnh |
| 3 | DaXoa | private | bool | Tình trạng của danh mục |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat(), LayTatCa()
* *Lớp PhieuDatCho* 
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | MaPhieu | private | int | Mã của phiếu đặt bàn |
| 2 | Ban | private | BanAn | Thuộc về bàn |
| 3 | NguoiDung | private | NguoiDung | Thuộc về người dùng |
| 4 | NgayTaoPhieu | private | Datetime | Ngày tạo phiếu |
| 5 | NgayDatBan | private | Datetime | Ngày khách sẽ đến ăn |
| 6 | chiTietPhieu | private | ChiTietPhieu[\*] | Danh sách Chi tiết phiếu của phiếu đặt chỗ |
| 7 | tinhTrang | private | TinhTrangPhieu | Tình trạng của phiếu đặt chỗ |
| 8 | TongTien | private | Double | Tổng tiền của phiếu đặt chỗ |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), CapNhat(),LayTatCa(), LayPhieu(sDate, eDate), LayPhieu(ngayDat, khach), LayPhieu(ngayTao).
* *Lớp ChiTietPhieu* 
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | monAn | private | MonAn | Món mà khách đặt |
| 2 | SoLuong | private | Int | Số lượng của món ăn này |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), CapNhat().
* *Lớp TinhTrangPhieu* 
  + Mô tả danh sách các thuộc tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuộc tính | Loại | Ràng buộc | Ý nghĩa/ghi chú |
| 1 | ten | private | string | Tên của tình trạng |

* + Danh sách các trách nhiệm (các phương thức) chính: Them(), Xoa(), CapNhat().

**🙡🙞 HẾT 🙜🙣**